

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 28-7-2022  
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Hán Hường

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Việt Tú  
2. Bà Lê Thị Hồng Ánh

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Quỳnh N - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* Anh Hà Mạnh T, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2021, tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Đỗ Thị N trình bày:*

***- Về quan hệ hôn nhân:*** Chị và anh Hà Mạnh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 08/3/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình bố mẹ anh T tại xã Đ (nay là xã M), một thời gian thì vợ chồng ra ở riêng để phát triển kinh tế gia đình. Quá

trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc khoảng vài năm đầu tiên sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nhưng nguyên nhân chính là do anh T thường xuyên uống rượu, do lạm dụng rượu nên bị nghiện. Vì vậy, năm 2012 địa phương xã Đồng Cam phải lập hồ sơ đi cai nghiện rượu, đến năm 2014 thì anh T về nhà, nhưng anh T lại cho rằng bố mẹ đẻ anh đề nghị nên anh phải đi cai nghiện, từ đó giữa anh T và bố mẹ đẻ anh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Cứ mỗi lần anh uống rượu say là anh lại gây mâu thuẫn với chị và bố mẹ đẻ anh, làm cho chị và các con phải sống trong lo sợ từ năm 2020 đến nay; nhiều lần khu Hành chính và Công an xã Minh Tân phải đến để can thiệp. Nay chị xác định vợ chồng đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

*Tại bản tự khai ngày 29/10/2022; các lời khai tiếp theo trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Hà Mạnh T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị N trình bày là đúng. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N xin ly hôn anh, anh nhất trí ly hôn.

- *Về con chung:* Chị N và anh T cùng xác định vợ chồng có 02 con chung là Hà Phương A, sinh ngày 17/02/2007 và Hà Phương N, sinh ngày 25/11/2008. Ly hôn, chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Phương A, chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Phương N và không đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Tại phiên tòa, chị N và anh T cùng thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về việc chia tài sản như sau:

Anh T trực tiếp sử dụng 01 xe mô tô Hon da dream BKS 19Y2-3948 trị giá 12.000.000đồng; 01 tủ lạnh sannyo 150 lít trị giá 2.000.000đồng; 01 máy bơm nước công suất 110W trị giá 1.000.000đồng. 01 máy bừa đất trị giá 2.000.000đồng. Tổng trị giá 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Chị N trực tiếp sử dụng các tài sản chung như sau: 01 xe máy Yamaha sirius BKS 19G1 - 370.91 trị giá 15.000.000đồng; 02 máy bơm nước công suất 750W trị giá 600.000đồng. Tổng trị giá 15.600.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Các tài sản đã định giá khác thì anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết và anh T không phải thanh toán chênh lệch cho chị N vì chị N không yêu cầu.

Chị N và anh T cùng trình bày như sau: Anh chị cùng xác định có tài sản chung là số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng), hiện nay chị N đang quản lý. Tại phiên tòa, chị N và anh T thỏa thuận: Chị N có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh T số tiền chênh lệch là 95.000.000đồng; thời điểm thanh toán ngày 12/7/2022 và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

- *Về quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Chị N và anh T trình bày không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:*

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:*

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 55; 58; 59; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Hà Mạnh T.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hà Phương A, sinh ngày 17/02/2007 và Hà Phương N, sinh ngày 25/11/2008; anh Hà Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N không yêu cầu. Anh Hà Mạnh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:*

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị N và anh T về việc phân chia tài sản chung như sau:

Anh T trực tiếp sử dụng các tài sản như sau: 01 xe mô tô Hon da dream BKS 19Y2-3948 trị giá 12.000.000đồng; 01 tủ lạnh sanyo 150 lít trị giá 2.000.000đồng; 01 máy bơm nước công suất 110W trị giá 1.000.000đồng. 01

máy bừa đất trị giá 2.000.000đồng. Tổng trị giá 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Chị N trực tiếp sử dụng các tài sản chung như sau: 01 xe máy Yamaha sirius BKS 19G1 - 370.91 trị giá 15.000.000đồng; 02 máy bơm nước công suất 750W trị giá 600.000đồng. Tổng trị giá 15.600.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Chị N và anh T có tài sản chung là số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng), hiện nay chị N đang quản lý. Chị N được trực tiếp sử dụng số tiền 95.000.000đồng và chị N phải thanh toán cho anh T số tiền chênh lệch là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng), thời điểm thanh toán ngày 12/7/2022. Như vậy, tổng cộng chị N được trực tiếp sử dụng tài sản trị giá 110.600.000đồng. Anh T được trực tiếp sử dụng tài sản trị giá 112.000.000đồng; nhưng anh T không phải toán chênh lệch về giá trị tài sản cho chị N vì chị N không yêu cầu.

*Về nghĩa vụ tài sản:* Chị N và anh T đều không đề nghị giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về nội dung vụ án.

*1.1. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N xin được ly hôn anh Hà Mạnh T thấy rằng:* Chị Đỗ Thị N và anh Hà Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 08/3/2006 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương xã M thể hiện: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N và anh T đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân chính là do anh T thường xuyên uống rượu, không làm chủ được bản thân nên thường xảy ra mâu thuẫn với chị N và bố mẹ đẻ của anh T. Năm 2012, do anh T nghiện rượu, nên Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã M) phải đề nghị đưa vào cơ sở bắt buộc cai nghiện bắt buộc. Năm 2014, anh T về địa phương nhưng vẫn uống rượu và nhiều lần gây mâu thuẫn với chị N và bố mẹ đẻ anh T, nhiều lần Công an khu và Trưởng khu hành chính phải can thiệp. Nay mâu thuẫn không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng hơn.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T cũng có quan điểm nhất trí ly hôn với chị N. Do đó, cần công nhận thuận tình ly hôn của anh chị để anh chị sớm ổn định cuộc sống riêng.

## 2. Về con chung:

*Xét đề nghị của chị N xin được nuôi cả hai con chung, còn anh T xin được trực tiếp nuôi cháu Hà Phương A, chị N trực tiếp nuôi cháu Hà Phương N thấy rằng:* Chị N và anh T có 02 con chung là Hà Phương A, sinh ngày 17/02/2007 và Hà Phương N, sinh ngày 25/11/2008.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của các cháu Hà Phương A và Hà Phương N ngày 18/11/2021, có sự tham gia của cả chị N và anh T thì cả cháu A, cháu N đều có nguyện vọng xin ở với chị N.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ đã xác định: Anh T thường xuyên uống rượu, do lạm dụng trong việc sử dụng rượu nên năm 2012, anh T phải đi cai nghiện rượu bắt buộc, đến năm 2014 anh T về địa phương, nhưng anh T vẫn uống rượu, rồi gây mâu thuẫn với chị N và đặc biệt mâu thuẫn với bố mẹ đẻ của anh T là ông Hà Ngọc L và bà Hà Thị M, đã nhiều lần Trưởng khu Đồng Minh và Công an khu phải can thiệp; trong khi đó, anh T không có chỗ ở ổn định, hiện nay bố mẹ không cho ở cùng, anh T phải ở ngoài khu trại chăn nuôi, còn hiện nay chị N cùng hai con chung của anh chị đang ở cùng nhà bố mẹ anh T, được bố mẹ anh T tạo điều kiện để cho chị N và hai con chung của anh chị ở cùng.

Như vậy, xét thấy nếu giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng không tốt đến đời sống tâm lý và sự phát triển toàn diện của các cháu. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của hai con chung, cần giao cả 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế cũng như đảm bảo nhất quyền lợi của hai con chung của anh chị.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị N không đề nghị xem xét nên Tòa án không giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh T chưa thống nhất được việc giải quyết tài sản chung. Tại phiên tòa, anh chị mới thống nhất được việc phân chia toàn bộ tài sản chung và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau:

Anh T trực tiếp sử dụng các tài sản như sau: 01 xe mô tô Hon da dream BKS 19Y2-3948 trị giá 12.000.000đồng; 01 tủ lạnh sannyo 150 lít trị giá 2.000.000đồng; 01 máy bơm nước công suất 110W trị giá 1.000.000đồng; 01

máy bừa đất trị giá 2.000.000đồng. Tổng trị giá 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Chị N trực tiếp sử dụng các tài sản chung như sau: 01 xe máy Yamaha sirius BKS 19G1 - 370.91 trị giá 15.000.000đồng; 02 máy bơm nước công suất 750W trị giá 600.000đồng. Tổng trị giá 15.600.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Chị N và anh T có tài sản chung là số tiền 190.000.000đồng, hiện nay chị N đang quản lý. Chị N và anh T thỏa thuận: Chị N được trực tiếp sử dụng số tiền 95.000.000đồng và chị N có nghĩa vụ thanh toán cho anh T số tiền chênh lệch 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng). Thời điểm thanh toán ngày 12/7/2022. Như vậy, chị N được sử dụng tổng giá trị tài sản là 110.600.000đ (Một trăm mười triệu sáu trăm nghìn đồng). Anh T được sử dụng tổng giá trị tài sản là 112.000.000 đ (Một trăm mười hai triệu đồng). Anh T không phải thanh toán chênh lệch cho chị N vì chị N không yêu cầu.

*Nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Chị N và anh T đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí:* Chị N và anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 55; 59; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự.

*Xử:*

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Hà Mạnh T.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hà Phương A, sinh ngày 17/02/2007 và Hà Phương N, sinh ngày 25/11/2008; anh Hà Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N không yêu cầu; nhưng anh Hà Mạnh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

### *3. Về tài sản chung:*

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị N và anh T tại phiên tòa về việc phân chia tài sản chung như sau:

3.1. Chị N được trực tiếp sử dụng các tài sản chung của vợ chồng đề nghị giải quyết như sau: 01 xe máy Yamaha sirius BKS 19G1 - 370.91 trị giá 15.000.000đồng; 02 máy bơm nước công suất 750W trị giá 600.000đồng và số tiền 95.000.000đồng chị N đang quản lý. Tổng cộng là 110.600.000đ (Một trăm mười triệu sáu trăm nghìn đồng).

3.2. Anh T được trực tiếp sử dụng các tài sản chung của vợ chồng đề nghị giải quyết như sau: 01 xe mô tô Hon da dream BKS 19Y2-3948 trị giá 12.000.000đồng; 01 tủ lạnh sanyo 150 lít trị giá 2.000.000đồng; 01 máy bơm nước công suất 110W trị giá 1.000.000đồng; 01 máy bừa đất trị giá 2.000.000đồng.

Chị N có nghĩa vụ thanh toán cho anh T số tiền 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) (từ số tiền 190.000.000đồng chị N đang quản lý). Thời điểm thanh toán ngày 12/7/2022.

Tổng cộng, anh T được trực tiếp sử dụng giá trị tài sản là 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng).

Anh T không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị N vì chị N không yêu cầu.

*4. Về quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Chị N và anh T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

*5. Về án phí:* Chị N phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 5.530.000đồng án phí chia tài sản chung, tổng cộng là 5.605.000đồng, trừ cho chị N số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007703, ngày 29/10/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị N còn phải nộp 5.305.000đ (Năm triệu ba trăm linh năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh T phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 5.600.000đồng án phí chia tài sản chung. Tổng cộng là 5.675.000đ (Năm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Chị N và anh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã M;
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hán Hưởng**



